

TÌM HIỂU ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HOÁ ẤN ĐỘ Ở MIỀN TRUNG VIỆT NAM

LÊ ĐÌNH PHỤNG

Với những tài liệu hiện biết được ghi chép trong lịch sử, các di tích, di vật Champa đã được phát hiện, cùng những kết quả nghiên cứu của nhiều thế hệ, bước đầu chúng tôi thử tìm hiểu, dựng lại tiến trình ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ trên dải đất miền Trung trong lịch sử (chủ yếu từ Quảng Bình tới Bình Thuận).

1- Những tiền đề kinh tế, văn hoá, xã hội ở miền Trung trước khi chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ

Miền Trung nói chung có địa hình khá phức tạp, về cơ bản, phía Tây là những ngọn núi cao chắt ngắt thuộc dãy Trường Sơn kéo dài từ Bắc vào Nam, phía Đông là biển lớn, với một dải "đồng bằng" nhỏ hẹp chạy dọc ven biển. Địa hình miền đất lại bị cắt chia bởi những dải núi thấp từ Trường Sơn đâm ngang ra biển cùng hệ thống sông ngòi chằng chịt. Trên miền đất này, qua nghiên cứu đã tìm được khá nhiều dấu vết nền văn hoá tiền - sơ sử, đặc biệt là nền văn hoá Sa Huỳnh phát triển rực rỡ. Theo những phát triển khảo cổ học, cho đến nay, văn hoá Sa Huỳnh đã phát hiện được ở khắp nơi trên 100 di tích thuộc dải đất miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận, trên cao nguyên (Kon Tum, Đắk Lắk) và các hải đảo xa xôi (cù lao Chàm - Quảng Nam, cù lao Ré (Lý Sơn) - Quảng Ngãi), đặc biệt tập trung đậm đặc tại đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Những di tích, di vật tìm được cho thấy người Sa Huỳnh có nền kinh tế khá phát triển, họ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, làm đồ gốm, chế tác đồ trang sức ở trình độ cao, tinh xảo, có giá trị mỹ thuật. Trên cơ sở đó, họ đã có sự giao lưu thương mại với các cộng đồng người trong khu vực (trước và đầu Công nguyên). Những gương đồng, tiền Ngũ thù thời Hán đã có mặt trong đời sống của cư dân Sa Huỳnh tại các di chỉ Hậu Xá, Quế Sơn (Quảng Nam). Đời sống tinh thần của cư dân Sa

Huỳnh khá phong phú được, thể hiện trên những loại hình, hoa văn trang trí đồ gốm khá đẹp, hoàn chỉnh. Đặc biệt về táng tục, những tài liệu khảo cổ học cho biết, người Sa Huỳnh được chôn trong mộ chum có kích thước lớn, trang trí đẹp, nhiều mộ sử dụng chum kép gồm hai chum lồng vào nhau. Trong mộ chôn nhiều đồ tùy táng, kim loại màu, đá quý, mã não, đồ đồng, đồ gốm... Trước đây, khi nghiên cứu về văn hoá Sa Huỳnh, nhiều người cho rằng "... người Chăm có khả năng là hậu duệ của người Sa Huỳnh", "... tổ tiên người Chăm đến duyên hải Việt Nam và để lại dấu tích trong các di chỉ thuộc phức hệ văn hoá Sa Huỳnh"¹; ý kiến này cho đến nay được tài liệu khảo cổ học dần làm sáng tỏ, góp phần khẳng định người Chăm là hậu duệ của tộc người đã tạo nên văn hoá Sa Huỳnh. Dựa vào tiền đề từ văn hoá Sa Huỳnh, người Chăm đã xây dựng một nền kinh tế - văn hoá khá phát triển. Họ là những người giỏi làm ruộng, có tài khai thác rừng, vươn ra khai thác biển, tạo nên nền kinh tế phát triển trên nhiều lĩnh vực. Ngoài mối giao lưu truyền thống với người Trung Hoa, từ những năm đầu công lịch họ còn tiếp xúc giao lưu buôn bán với người Ấn Độ. Theo sử liệu cho biết, những thế kỷ trước Công nguyên, nhiều thương nhân Ấn Độ đã giong thuyền vượt biển đến buôn bán và truyền giáo ở nhiều khu vực thuộc Đông Nam Á. Những thế kỷ sau công nguyên, làn sóng thương mại và truyền giáo lại càng gia tăng, đó là những tiền đề để các quốc gia trong khu vực dần chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ. Truyền thuyết của người Chăm cho biết, những năm đầu Công nguyên, người Chăm có nhiều bộ tộc sinh sống rải rác dọc ven biển miền Trung, trong đó có hai bộ tộc lớn là bộ tộc Dừa (Narikela Vamsa) ở địa bàn phía Bắc và bộ tộc Cau (Kramuka Vamsa) ở địa bàn phía Nam. Các

bộ tộc người Chăm có tổ chức xã hội khá chặt chẽ, có mối liên quan mật thiết với nhau. Có lẽ, tộc Cau là hạt nhân chính để hình thành nên tiểu quốc ban đầu của người Chăm ở phía Nam, mà tài liệu tìm được là tấm bia Võ Cạnh (Nha Trang). Nội dung bia đề cập đến vị vua đầu tiên sáng lập ra triều đại Sri Mara. Tộc Dừa ở phía Bắc cùng các cộng đồng người khác bị đế chế phong kiến Trung-Hoa xâm lăng đô hộ nhưng họ vẫn có mối liên hệ thường xuyên với bộ phận cư dân Chăm phía Nam. Không khuất phục dưới sự đô hộ, với ý thức độc lập, lợi dụng địa hình hiểm trở, họ đã liên kết với nhau đấu tranh không mệt mỏi chống lại sự đô hộ của quân xâm lược. Sau nhiều lần nổi dậy trong các năm 100, 137, 183 và đỉnh cao là cuộc nổi dậy năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm đã giành được độc lập, dựng nên quốc gia riêng của mình (Lâm Ấp - LinYi), "Lâm Ấp nguyên là huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam thời Tây Hán, về cuối đời Hán, người nước ấy giết quan lệnh, tự lập nước gọi là Lâm Ấp..."⁷². Qua các thời kỳ lịch sử nước Lâm Ấp, có nhiều tên gọi khác nhau: Lâm Ấp - Hoàn Vương - Chiêm Thành... Từ tiền đề nền độc lập ban đầu, người Chăm cùng cố dựng xây một nền văn hoá Champa phát triển khá rực rỡ, trong đó văn hoá Ấn Độ giữ vai trò ảnh hưởng chủ đạo. Sự ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ có những tiền đề lịch sử, nhưng chỉ đến khi người Chăm giành được độc lập thì các điều kiện ban đầu mới có cơ hội để phát triển, thấm sâu vào đời sống tinh thần của người Chăm.

Những điều kiện cơ bản đó được thể hiện qua các yếu tố: nền độc lập tự chủ của người Chăm, cùng với nền văn hoá bản địa được dựng xây trong lịch sử, họ chủ động tiếp thu văn hoá, thiết chế xã hội, tôn giáo phù hợp với điều kiện tâm lý tình cảm của dân tộc, điều kiện kinh tế khá phát triển và yếu tố địa lý khá thuận lợi cho nền văn hoá bên ngoài du nhập. Đó là những lý do giải thích tại sao nền văn hoá Trung Hoa có mối giao lưu ảnh hưởng khá sớm với cư dân trên vùng đất này nhưng không ảnh hưởng sâu đậm như văn hoá Ấn Độ.

2- Những ảnh hưởng của nền văn hoá Ấn Độ vào miền Trung

Theo những nguồn tài liệu cho biết, văn hoá Ấn Độ đã có sự tiếp xúc đến vùng Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng từ những thế kỷ đầu công nguyên: "Vào khoảng nửa đầu thế kỷ I sau Công nguyên chắc chắn đã có cuộc tiếp xúc giữa những người mang văn hoá Ấn Độ với những người dân bản địa 3 vùng Bắc - Trung - Nam nước ta lúc bấy giờ... Nhiều tu sĩ đã đến tu và truyền giáo ở nước ta, đó là cơ sở hình thành một lớp văn minh Phật giáo - Bà la môn giáo đầu tiên..."⁷³. Trong 5 tuyến đường biển mà văn hoá Ấn Độ vào nước

ta, đáng chú ý là các tuyến vào Ninh Thuận - Bình Thuận - Khánh Hòa - Phú Yên, tuyến vào Bình Định, Quảng Nam là những điểm văn hoá Ấn Độ dừng chân và phát triển thuộc địa bản cư dân Chăm cổ, hình thành nên nền văn hoá Chăm sau này. Theo các nhà nghiên cứu, hấp lực đầu tiên đến Đông Nam Á là buôn bán, trao đổi thương mại, nhất là tìm kiếm vàng chứ chưa phải là truyền giáo, "Hấp lực kinh tế mà chủ yếu là vàng đã đưa người Ấn Độ đến Đông Nam Á"⁷⁴. Khi vượt biển đi xa buôn bán với những chặng đường đầy hiểm nguy, họ thường mang các sư tăng, thầy tu, thầy Bà la môn đi theo để cầu sự bình yên. Thế là cùng với buôn bán, văn hoá Ấn Độ cùng những giáo lý tôn giáo cũng có điều kiện lan toả. Trong những tôn giáo từ Ấn Độ du nhập, chủ yếu có hai dòng: Ấn Độ giáo hay Bà la môn giáo và đạo Phật.

Ấn Độ giáo có nguồn gốc từ những tín ngưỡng cổ thờ các vật tổ, các sức mạnh tự nhiên, sau được tập hợp lại, trộn lẫn nhau, hình thành một tôn giáo đa thần, trong đó, thần Brahma được coi là đẳng tối cao, sáng tạo ra muôn loài, chúa tể của chư thần và của con người. Trong giáo lý của đạo Bà la môn, cấu trúc xã hội chia ra các đẳng cấp ngặt nghèo với vai trò, chức năng và vị trí xã hội khác nhau. Mặc dù có sự khắc nghiệt nhưng tôn giáo này lại có ý nghĩa tổ chức xã hội cao, phù hợp với việc xây dựng nhà nước. Hệ thống đa thần của Bà la môn giáo khá đa dạng, phong phú gắn liền với các hiện tượng tự nhiên như: thần lửa (Agni); thần mặt trời (Surya); thần mưa, sấm sét (Indra); thần gió (Vayu); thần biển (Varuna); thần mặt trăng (Soma), hay các biểu tượng trời - cha (Dyaus), đất - mẹ (Prithivi), thần rặng đông (Usa), thần bình minh và hoàng hôn (Asuin). Bên cạnh đó là những vị thần gắn với quan niệm âm dương (Yoni - Linga), quan niệm tình cảm, như thần chết (Yama), thần yêu (Kama), quan niệm phá huỷ, sáng tạo và bảo tồn (thần Siva - Brahma - Visnu), hay những hoá thân của thần Visnu thành các loài vật quen thuộc gần gũi như cá, rùa, lợn rừng, sư tử... cùng các yếu tố phổ biến thực sinh sôi nảy nở gắn với nền sản xuất nông nghiệp, những chất thi ca lãng mạn của thần thoại, sử thi trong Rig Veda, Mahabharata, Ramayana của văn hoá Ấn Độ đã thổi vào đời sống xã hội Champa, gặp được sự đồng điệu, giải toả được bức xúc khi mới giành được độc lập nên người Chăm đã chấp nhận mô hình xã hội, tôn giáo văn hoá Ấn Độ trong cấu trúc xã hội của mình. Đó là tiền đề để sau này Ấn Độ giáo giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội và tinh thần của người Chăm theo suốt tiến trình lịch sử và họ đã sáng tạo nên một nền văn hoá độc đáo, ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ nhưng mang đậm bản sắc của dân tộc mình.



Đạo Phật do Thích Ca Mâu Ni (Sakya Muni) sáng lập, ra đời trong lòng xã hội Bà la môn giáo, nhằm phản đối chế độ đẳng cấp hà khắc của Bà la môn. Đạo Phật chủ trương mọi người đều bình đẳng, nhưng chủ yếu bình đẳng trên mặt tôn giáo, chứ không chủ trương cải tạo xã hội. Đây là tôn giáo hoà bình, phù hợp với tinh thần của xã hội cư dân nông nghiệp. Cùng với đạo Bà la môn, những năm đầu Công nguyên, đạo Phật theo các thuyền buôn toả khắp vùng Đông Nam Á và có mặt tại miền Trung nước ta. Cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III, làn sóng văn hoá Ấn Độ do vua Kaniska trực tiếp thúc đẩy lại ồ ạt tràn đến bán đảo Đông Dương và các nước trong khu vực. Đây là thời điểm thuận lợi khi dân tộc Chăm vừa giành được độc lập, văn hoá Ấn Độ đã có điều kiện tốt để dõng chân, được nuôi dưỡng và phát triển. "Tổng kết lại, người ta nhận ra các cách truyền giáo hay phát tán văn hoá Ấn Độ như sau: khi đến địa phương nào, các thầy Bà la môn xin cưới con gái thủ lĩnh địa phương đó. Qua hôn nhân, từ việc lấy con gái thủ lĩnh, đến lấy con gái thủ lĩnh cấp thấp hơn mà dần dần định hình ra lớp người mới. Chính họ là người tuyên truyền Bà la môn giáo cho nhân dân... Các quốc gia vùng này trước đây chưa có thiết chế chặt chẽ, mà chỉ thông qua ảnh hưởng này mà đẩy nhanh tổ chức nhà nước ngày một chặt chẽ hơn"⁵. "Ấn Độ giáo đã được truyền bá sang Đông Nam Á từ những thế kỷ đầu Công nguyên và đã đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành các nhà nước sớm ở khu vực này. Các thủ lĩnh bộ lạc, thị tộc trong khu vực tiếp nhận mô hình tổ chức vương quyền, tổ chức xã hội của Ấn Độ giáo đem ứng dụng trong lãnh địa của mình. Dân chúng cũng dễ dàng tiếp nhận những vị thần thiên nhiên của Ấn Độ giáo với tâm niệm cầu mong được ban phát ấm no, phồn vinh trên ruộng đồng, ngoài biển cả..."⁶.

Văn hoá Ấn Độ ảnh hưởng đến người Chăm mang cả hai yếu tố Bà la môn giáo và Phật giáo, nhưng Bà la môn giáo có phần thắng thế hơn bởi ngoài yếu tố thực dụng xây dựng và tổ chức cơ cấu xã hội, giáo lý gắn gũi với tôn giáo nguyên thủy của cư dân, thì "Tất cả các sư tăng từ Ấn Độ sang đều đã từng học đạo Bà la môn. Cho nên, Phật giáo Ấn Độ sang Việt Nam vừa có tính chất Phật giáo vừa có tính chất Bà la môn giáo"⁷. Khi tiếp xúc với văn hoá Ấn Độ, "Dân tộc Chăm đồng hoá nhanh với nền văn minh ấy; họ theo tôn giáo và phong tục, chữ viết và tư tưởng; hành chính và pháp luật của nền văn minh ấy. Tôn giáo chính của người Chăm là Ấn Độ giáo, nghĩa là chỉ thờ một trong 3 vị hay là thờ chung cả 3 vị trong tam thần giáo Ấn Độ là Brama, Visnu và Siva... Nhưng họ cũng còn theo cả đạo Phật..."⁸.

3- Những di tích, di vật - bằng chứng lịch sử

Cho đến nay khi nghiên cứu văn hoá miền Trung trong lịch sử, cụ thể hơn là văn hoá Champa, các nhà nghiên cứu nhận thấy rõ, văn hoá Champa chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Ấn Độ, đặc biệt là sự thấm đậm của văn hoá Bà la môn giáo và Phật giáo. Ảnh hưởng đó được thể hiện qua hai nguồn tài liệu chính: những ghi chép trong sử liệu, bi ký và những dấu vết di tích, di vật để lại cho đến ngày nay trải dọc theo chiều dài dải đất miền Trung.

Theo nhiều nguồn sử liệu cho biết, sau khi giành được độc lập, xây dựng nên các quốc gia tự chủ của dân tộc mình, người Chăm đã nhiều lần phải chống lại sự xâm lăng của đế chế phong kiến Trung Hoa. Trong các cuộc chinh phạt này, các sử gia Trung Hoa đều ghi lại các công trình kiến trúc của người Chăm là "tháp quý". Theo *Thủy kinh chú* ghi, trong thành Điện Xung của người Chăm "Đền thần tháp quý 8 miếu, dài cao nhiều tầng, hình tựa tháp Phật..."⁹. Trong cuộc chinh phạt của Lưu Phương (605), ngoài việc cướp đi 18 bộ thần chủ trong miếu đều đúc bằng vàng, theo tư liệu lịch sử của Ngạn Tông (610- 657) thì Lưu Phương còn thu về 1350 pho kinh Phật gói làm 564 bó và viết bằng chữ Chăm. Những ví dụ về tư liệu lịch sử đó cho biết, văn hoá Ấn Độ có mặt sớm và đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội Champa.

Cùng những ghi chép trong lịch sử, thì dấu tích văn hoá Champa để lại đến ngày nay khá phong phú. Dựa vào những di tích, di vật tìm được có thể thấy những ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ vào với cư dân miền Trung nước ta trong lịch sử. Trước hết là về Phật giáo.

Đầu tiên phải nói đến tấm bia phát hiện tại Võ Cạnh (Khánh Hòa). Theo các nhà nghiên cứu cho biết, tấm bia Võ Cạnh "được viết bằng tiếng Phạn đúng cách, cho ta thấy rằng họ chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh Ấn Độ... người soạn bài bia đã để lộ sự tín ngưỡng rõ rệt vào đạo Phật"¹⁰. Theo Finot "ý nghĩ cho rằng trần thế này là không vĩnh cửu, ý nghĩa về sự hoá kiếp này sang kiếp khác, lòng thương chúng sinh, sự hy sinh của cái của mình cho lợi ích người khác, tất cả những cái đó chứng tỏ lòng khoan đại của vị hậu duệ của Cri Mara và có khuynh hướng rõ rệt về đạo Phật"¹¹.

Niên đại của bia Võ Cạnh được xác định vào thế kỷ II - III sau Công nguyên.

Những phát hiện về các tượng Phật bằng đồng tại Cao Lao Hạ (Quảng Bình) có niên đại thế kỷ VI - VII¹² đã cho thấy ảnh hưởng của đạo Phật tới miền Bắc Champa khá rõ. Tại kinh đô Simhapura (Trà Kiệu- Quảng Nam), năm 1989 - 1990 đã phát hiện được 4 hiện vật Phật giáo bằng đất nung tại chân

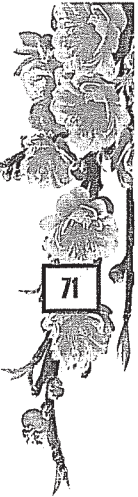
đôi Bửu Châu, trung tâm thành Trà Kiệu. Đó là những hình ảnh thể hiện Phật ngồi thiền. Niên đại nhóm tượng này thuộc thế kỷ VII - VIII, phù hợp với các ghi chép của nhà sư Nghĩa Tịnh khi ông ghé thăm kinh đô này (671 - 695)¹³. Phật giáo ở Champa được thể hiện vào những thế kỷ tiếp theo, đó là sự xuất hiện của Phật viện Đông Dương (Quảng Nam). Theo bi ký tìm được ở Đông Dương cho biết, vua Indravarman II cho xây dựng ở đây một ngôi đền và một tu viện Phật giáo, cả hai ngôi này đều kính dâng cho Lakasmindra Lokesvara. Bia viết năm 875 ghi lại "Do lòng tin vào Phật, vua đã cho xây dựng nên một tu viện Phật giáo (Vihara) và đền thờ Lakasmindra"¹⁴. Trong số các hiện vật lớn có giá trị đặc sắc tìm được ở đây, đáng chú ý có pho tượng Phật bằng đồng cao 1,80m mang phong cách tượng Phật vùng Amaravatti. Theo J.Boisselier "tượng này chắc chắn nếu không là tác phẩm nhập thì cũng là tác phẩm có quan hệ sâu sắc với truyền thống Ấn Độ đến nỗi không thể nào phát hiện ra vết tích của một truyền thống bản địa..."¹⁵. Cũng tại đây, năm 1978 đã tìm được pho tượng Lokesvara bằng đồng cao 1,14m, thể hiện hoàn mỹ với gương mặt đầy tính nhân chủng của người Chăm.

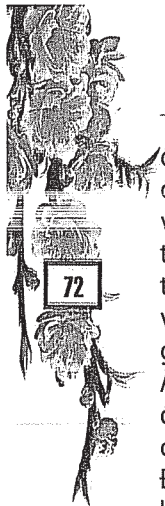
Cùng với trung tâm Phật giáo Đông Dương, nhiều bi ký Champa cũng nhấn mạnh tính chất Phật giáo dưới vương triều Indrapura như bia Bắc Hạ (hay gọi bia Ở Ròn - Quảng Bình) niên đại năm 889 nói về một trung tâm Phật giáo lớn trên địa bàn Bắc Champa. Những tượng Avalokitesvara bằng đồng tìm được tại Thủy Cam - Thừa Thiên Huế (2 tượng), tại Đại Hữu, Mỹ Đức - Quảng Bình (6 tượng), hay những phù điêu đất nung gốm với hình ảnh Phật tìm được tại Núi Chối (Quảng Ngãi)¹⁶, cùng 4 tượng Phật bằng đồng tìm được tại Phan Thiết (Bình Thuận) có niên đại thế kỷ IX - X... đã nói lên Phật giáo rất phổ biến trong xã hội, đặc biệt là vùng Bắc Champa. Mặc dù vậy, trong các trung tâm Phật giáo, yếu tố Ấn Độ giáo vẫn thấy rõ, vì do chính bản thân các nhà sư cũng chịu ảnh hưởng của Bà la môn giáo và Ấn Độ giáo) tạo nên một tôn giáo chi phối trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Chăm.

Những thế kỷ tiếp theo, khi người Chăm chuyển đô về vùng đất Vijaya, thì đô thành của họ cũng được biết đến với kinh thành Phật Thệ. Mặc dù vùng đất Vijaya là kinh đô kéo dài đến 5 thế kỷ (XI - XV), dù có tiền đề của giai đoạn Phật giáo Đông Dương nhưng dấu tích Phật giáo tìm được ở đây không nổi trội. Tại thành Chà Bàn (kinh đô Vijaya) hiện chỉ còn lại dấu tích gọi là chùa Vua, nhưng chưa rõ đây là dấu tích chùa thời Champa hay của Trung Ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc sau

này. Trên địa bàn Bình Định hiện nay còn tìm được một tượng Phật ngồi thiền dưới tán rần 7 đầu (Phước Hiệp - Tuy Phước). Tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh lưu giữ một tượng Phật bằng đồng thế kỷ X. Dù các hiện vật chưa nhiều nhưng có thể tin giai đoạn Vijaya, Phật giáo ở Champa khá phát triển. Năm 1069, vua Lý vào Vijaya, ông đã đưa một nhà sư gốc Trung Hoa về Thăng Long, người này đã góp phần lập ra Thiền phái Thảo Đường ở phía Bắc¹⁷. Sự phát triển và phổ biến của Phật giáo Champa trong suốt thời kỳ dài với dấu tích còn để lại đến thế kỷ XV, có thể đó là những tiền đề tư tưởng khi vùng đất này hoà nhập vào cộng đồng lãnh thổ Việt Nam, tạo tiền đề cho Phật giáo ở vùng đất này tiếp tục phát triển vào những thế kỷ sau, với các trung tâm lớn, như Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...

Trong khi các di tích, di vật về Phật giáo phát hiện chưa nhiều thì các di tích, di vật liên quan đến Bà la môn giáo ở Champa lại giữ vai trò chủ đạo. Theo thống kê, thì vào đầu thế kỷ XX còn đến 229 địa điểm có di tích, di vật văn hoá Champa, trong đó có 70 đền tháp, với hai khu thánh địa lớn là Mỹ Sơn (Quảng Nam), Pô Nagar (Khánh Hòa)¹⁸ cùng hàng ngàn tác phẩm điêu khắc đá. Những di tích này có mặt sớm nhất trong lịch sử, thuộc thế kỷ VII với di tích phong cách Mỹ Sơn E1. Nhưng theo tài liệu bi ký cho biết, sự có mặt của các di tích còn sớm hơn, vào thời kỳ vua Bhadravarman I, một đám cháy đã thiêu mất "ngôi đền thờ vị thần của các vị thần", nhà vua cho xây lại một ngôi đền thờ "chúa Bhadresvara"¹⁹ mà sau này con ông là vua Cambhuvarman làm lại hoàn toàn một ngôi đền khác bằng gạch. Sau đó, muộn nhất là đền Pô Rômê (Ninh Thuận) có niên đại cuối thế kỷ XVI. Cũng như các di tích trong khu vực ảnh hưởng của Ấn Độ giáo, các đền tháp Champa được xây dựng chủ yếu thờ 3 vị thần chính: Brama - Visnu - Siva cùng các vị thần Ấn Độ giáo liên quan. Điểm khác biệt có thể do yếu tố địa lý, yếu tố kinh tế (!), dù tuân thủ xây dựng theo nguyên tắc đền núi (Srikhara) nhưng các đền tháp Champa chỉ mô phỏng theo biểu tượng núi Mêru với hệ thống mái tháp nhiều tầng chứ ít quan tâm xây dựng các tầng để như tháp Khmer. Theo các tài liệu bi ký cho biết, các đền tháp Champa thường được xây dựng dưới sự bảo trợ của các nhà vua, hoàng tộc, các quan đại thần, như một biểu hiện kết hợp thần quyền với vương quyền; cho nên các tháp dù quy mô không lớn nhưng được khắc tạc trang trí đẹp như một công trình nghệ thuật, thắm đậm những đề tài, hình tượng mang nội dung Ấn Độ giáo sâu sắc. Những cảnh tu luyện, những trường đoạn khắc tạc thể hiện theo nội dung sử thi Ramayana được biết





đến trên các bệ thờ Mỹ Sơn E1, bệ thờ Trà Kiệu... đã cho biết không những nội dung tôn giáo mà cả văn học, sử thi Ấn Độ đã thấm sâu trong đời sống tinh thần của người dân Chăm. Trong quá trình tồn tại và phát triển, người Chăm dần đưa nhiều yếu tố văn hoá tín ngưỡng của dân tộc mình hội nhập với giáo lý Bà la môn giáo, đặc biệt khi tôn giáo này ở Ấn Độ có sự cách tân²⁰ thì yếu tố văn hóa dân tộc được thể hiện rõ trong những công trình kiến trúc của người Chăm chịu ảnh hưởng của Ấn Độ giáo. Đó là sự hội nhập với văn hoá bản địa, như trường hợp nữ thần nông nghiệp - Mẹ xứ sở - thể hiện trong tháp Pô Nagar (Khánh Hòa) hoá thân thành Sagravatti, một biểu hiện của Siva giáo (trên cơ sở đó, sau này khi sáp nhập vào cộng đồng, người Việt đã tiếp thu và tiếp tục thờ cúng theo ý thức thờ Mẫu. Hiện tượng này khá phổ biến như thờ Thiên Y A Na tại điện Hòn Chén (Huế), Đức Phổ (Quảng Ngãi)). Nhiều thế kỷ tiếp theo, ảnh hưởng của văn hoá Ấn dần suy thoái, các vị thần trong Ấn giáo dần chuyển hoá thành anh hùng dân tộc, như vua Pô Klong Garai, Pô Rômê hay các vị hoàng hậu được thờ cúng như các vị thần. Đặc biệt, thế kỷ X - XVI, Hồi giáo từ các nước hải đảo qua buôn bán, truyền giáo đã dưng chân và có mặt trong cộng đồng người Chăm, chia người Chăm thành hai nhóm: Chăm Bà ni (Chăm Hồi giáo) và Chăm Ấn Độ giáo (Chamư Kaphir). Mặc dù vậy, Ấn Độ giáo vẫn là tôn giáo truyền thống, chi phối chủ đạo trong đời sống tinh thần của người Chăm. "Nhóm người Chăm Bà ni (khoảng 1/3 tổng số cư dân Chăm) ngày nay... ở bên lề Hồi giáo hơn là thực sự thuộc giới này... Việc nghiên cứu nhóm này, mà tầm quan trọng đối với nền nghệ thuật nước Champa, trên thực tế chẳng có gì", "Hồi giáo dường như chẳng thấm nhập vào đâu ngoài tỉnh Pandurandga"²¹.

Nhìn chung, trong miền đất viễn đông thì văn hóa Ấn Độ đã có mặt sớm và giữ vai trò chủ đạo trên dải đất miền Trung. Trong suốt tiến trình tồn tại và phát triển của mình, hoà cùng văn hoá bản địa, văn hóa Ấn Độ đã hoá thân tạo nên văn hoá Champa phát triển rực rỡ. Do nhiều điều kiện cụ thể, cho đến nay, ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ mới chỉ hiểu biết hạn chế trong các di tích tôn giáo, mà chủ yếu là các di tích Ấn Độ giáo, các lĩnh

vực khác hầu như chưa được biết đến là bao. Khắc phục những hạn chế này trong tương lai cần có sự nghiên cứu, phối hợp liên ngành, đa ngành khoa học và có những đề tài nghiên cứu cụ thể, để góp phần hiểu rõ hơn về văn hoá Champa trong lịch sử. □

L.Đ.Đ

Chú thích:

- 1- Nguyễn Đình Kho, *Nhân chủng học Đông Nam Á*, Nxb, Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985, tr. 153.
- 2- Lê Trác, *An Nam chí lược*, bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 3- Nguyễn Duy Ninh, "Đền Độc Cước - dấu chân thần - biểu tượng Phật", *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1 - 2, 1998, tr. 82 - 83.
- 4- Cao Xuân Phổ, "Những ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ vào Việt Nam", *Giáo trình đào tạo sau đại học chuyên ngành khảo cổ học*, tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 5,6,7- Cao Xuân Phổ, tài liệu đã dẫn.
- 8- M. Georges Maspero, *Vương quốc Chăm*, bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học, tr.12 - 13.
- 9- Lịch Đạo Nguyên, *Thủy Kinh chú*, bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 10- M. Georges Maspero, *Vương quốc Chăm*, Sđd, tr. 12.
- 11- L. Finot, *Tôn giáo của người Chăm*, BEFEO XV, tr.2 - 4.
- 12- H. Parmentier, *Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung Kỳ*, Paris, 1909 - 1919; bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 13- Trần Kỳ Phương, "Ghi chú về những tiểu phẩm Phật giáo mới phát hiện tại Trà Kiệu - Quảng Nam", *NPHMVKCH*, 1993, tr. 301.
- 14- L. Finot, *Lapremiere stele de Đông Dương*, BEFEO, Vol. IV, 1904.
- 15- J. Boisselier, *La Statuaire du Champa (Nghệ thuật tạc tượng của nước Champa)*, Paris, 1963, bản dịch tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 16- Đoàn Ngọc Khôi, "Phát hiện nơi sản xuất đồ thờ của người Chăm", *NPHMVKCH*, 1993, tr. 292.
- 17- *Thiên uyển tập anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990.
- 18- H. Parmentier, *Thống kê khảo tả các di tích Chăm xứ Trung Kỳ*, Sđd.
- 19- Bìa Mỹ Sơn đến A1, dẫn theo Huber. BEFEO XI, tr. 357.
- 20- Theo tài liệu cho biết, vào thế kỷ VI, do những hạn chế của giáo lý Bà la môn trước những sự biến đổi phát triển của xã hội, tôn giáo này có những sự cải cách lớn cho phù hợp. Bà la môn giáo sau này trở thành đạo Hindu trong xã hội Ấn Độ.
- 21- J. Boisselier, Sđd, tr. 617 - 618.

Lê Đình Phụng: Discovering the Influence of Indian Culture in Central Vietnam

Champa culture with many architecture types of temples, towers, statues, embossments, citadels lasted from centuries 2 and 3 until century 18, was rich influenced by Indian culture, especially in religion. Some documents has revealed this relation of Champa culture, contributed to create a rich and diversified Vietnam culture.